

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CT  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 451 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 / 11/ 2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Huỳnh Văn Phó**.

2/ Bà **Trần Ngọc Bảo Châu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Võ Tấn Dũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Ngọc Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Văn Công T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị **Võ Thị H**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Văn Công T trình bày:**

Về hôn nhân: anh và chị Võ Thị H chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng

ký kết hôn ngày 20/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp. Anh và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên Văn Thị Ngọc M, sinh ngày 19/12/ 2006 và Văn Ngọc Q, sinh ngày 26/01/2014, hiện 02 con đang sống với chị H. Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

**\* *Tại bản tự khai ngày 22/10/2021 bị đơn chị Võ Thị H trình bày:***

Về hôn nhân: Chị và anh Văn Công T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống tương đối hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, nay chị đồng ý ly hôn với anh Văn Công T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Văn Thị Ngọc M, sinh ngày 19/12/ 2006 và Văn Ngọc Q, sinh ngày 26/01/2014, hiện 02 con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

**\* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Văn Công T, cho anh T được ly hôn với chị H. Giao 02 con chung tên Văn Thị Ngọc M, sinh ngày 19/12/ 2006 và Văn Ngọc Q, sinh ngày 26/01/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu. Về tài sản

chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn chị Võ Thị H có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Võ Thị H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu của anh Văn Công T, xét thấy:

Anh Văn Công T và chị Võ Thị H chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị H trình bày thống nhất với nhau về thời gian phát sinh mâu thuẫn là từ đầu năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp. Anh T và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Qua trình bày của anh T, chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh T yêu cầu ly hôn với chị H, chị H đồng ý, do đó Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn với chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung tên Văn Thị Ngọc M, sinh ngày 19/12/ 2006 và Văn Ngọc Q, sinh ngày 26/01/2014, hiện tại hai con đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, anh T đồng ý giao 02 con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Hai cháu Văn Thị Ngọc M và Văn Ngọc Q có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị H. Hội đồng xét xử giao 02 cháu Văn Thị Ngọc M và Văn Ngọc Q cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh T, chị H không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của anh Văn Công T

1. Về hôn nhân: Anh Văn Công T được ly hôn với chị Võ Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Văn Thị Ngọc M, sinh ngày 19/12/2006 và Văn Ngọc Q, sinh ngày 26/01/2014 cho chị Võ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Văn Công T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Võ Thị H chưa có yêu cầu.

Anh Văn Công T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Văn Công T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004411 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Anh Văn Công T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Võ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**Trần Văn Nhơn**